

TÓM TẮT SÁNG KIẾN:

Sáng kiến “Biện pháp chỉ đạo phát triển chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra ở Trường CĐSP Lạng Sơn” được xây dựng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Sáng kiến tập trung đề xuất các giải pháp chỉ đạo hiệu quả để phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra (CĐR), đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.

Sáng kiến đề xuất 5 biện pháp: (1) Nâng cao năng lực quản lý và phát triển CTĐT; (2) Tăng cường khảo sát nhu cầu thị trường lao động; (3) Cập nhật nội dung CTĐT theo CĐR; (4) Chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên; (5) Tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo. Các biện pháp được triển khai đồng bộ, kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin và hợp tác doanh nghiệp. CTĐT được đánh giá tích cực về tính thực tiễn và mục tiêu rõ ràng. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 80%. Sáng kiến giúp cải thiện chất lượng đào tạo, tăng cường kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng của sinh viên.

Sáng kiến mang lại lợi ích thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn và khu vực.

I. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn sáng kiến

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ không chỉ thúc đẩy quá trình thị trường hóa, đa dạng hóa và quốc tế hóa trong giáo dục mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong bối cảnh đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm các trường cao đẳng, phải không ngừng đổi mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Chất lượng đào tạo phụ thuộc vào nhiều nhiều yếu tố, trong đó có chương trình đào tạo (CTĐT). CTĐT vừa là công cụ, vừa là thước đo trình độ phát triển kinh tế-xã hội và khoa học-kỹ thuật của mỗi quốc gia cũng như của mỗi nhà trường. Việc xây dựng và phát triển CTĐT của các ngành nghề phụ thuộc vào mục tiêu, tầm nhìn và sứ mệnh của cơ sở đào tạo trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Vì vậy, các nhà khoa học, nhà giáo dục, cơ sở đào tạo cần hiểu rõ bản chất của CTĐT để xây dựng và phát triển đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của xã hội.

Tại Việt Nam, việc xây dựng CTĐT theo chuẩn đầu ra (CĐR) đã được triển khai trên phạm vi toàn quốc theo các định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Tuy nhiên, nhiều trường cao đẳng vẫn gặp khó khăn trong việc xây dựng, quản lý và phát triển CTĐT một cách bền vững. Các hạn chế về nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, cơ sở vật chất và sự liên kết với doanh nghiệp đang khiến chất lượng đào tạo chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn cũng không nằm ngoài những khó khăn thách thức trên, đòi hỏi nhà trường luôn phải rà soát, cải tiến CTĐT để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực cũng như hoạt động quản lý, trong mỗi giai đoạn nhất định, các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo ban hành các quy định mới về việc xây dựng, thẩm định, và ban hành CTĐT, cũng như các quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Trong năm 2024, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 19/2/2024 Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để thay thế các văn bản trước đó. Trong đó, quy định rõ các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp cần phải cập nhật CTĐT đảm bảo đúng quy định.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của CTĐT trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cũng như văn bản chỉ đạo của cấp trên, nhà trường đã tập trung phát triển các CTĐT theo hướng tiếp cận CDR đối với các ngành nghề nói chung, các ngành Giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Đồng thời đảm bảo các quy định quản lý của nhà nước về đào tạo; tính khoa học, thực tiễn, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Xuất phát từ yêu cầu đó, tôi lựa chọn sáng kiến ***“Biện pháp chỉ đạo phát triển CTĐT giáo dục nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra ở Trường CĐSP Lạng Sơn”*** nhằm đề xuất những giải pháp thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

2. Mục tiêu của sáng kiến

Mục tiêu của sáng kiến là đề xuất các biện pháp chỉ đạo hiệu quả trong quá trình phát triển chương trình đào tạo, hoàn thiện CTĐT theo hướng chuẩn đầu ra, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động; tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và hội nhập giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 tại Trường CĐSP Lạng Sơn.

3. Phạm vi của sáng kiến

3.1. Đối tượng áp dụng: CTĐT giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn. Đối ngũ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia xây dựng, phát triển và triển khai chương trình đào tạo. Học sinh, sinh viên theo học các ngành nghề tại nhà trường.

3.2. Thời gian thực hiện: Sáng kiến được triển khai áp dụng mang tính cải tiến từ năm học 2024-2025 đối với các ngành đào tạo giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường CĐSP Lạng Sơn

3.3. Phạm vi không gian: Ứng dụng chủ yếu trong phạm vi Trường CĐSP Lạng Sơn, có thể tham khảo và nhân rộng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác có điều kiện tương đương.

II – CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở lý luận

1.1. Cơ sở khoa học

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

*** Hoạt động đào tạo**

Có nhiều cách hiểu khác nhau về đào tạo hay “hoạt động đào tạo” vì bản chất của “đào tạo” chính là “hoạt động đào tạo”.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam “Đào tạo là quá trình tác động đến con người nhằm làm cho người đó lĩnh hội và nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách có hệ thống nhằm chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công nhất định, góp phần của mình vào sự phát triển

của xã hội, duy trì và phát triển nền văn minh của loài người. Về cơ bản, đào tạo là giảng dạy và học tập trong nhà trường gắn với giáo dục nhân cách” [8, tr.289].

Theo nhóm tác giả Trần Khánh Đức: Đào tạo là quá trình hình thành và phát triển ở người học hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết (hệ thống năng lực và các phẩm chất cá nhân-xã hội theo từng cấp độ giáo dục và lĩnh vực nghề nghiệp, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách ở mỗi cá nhân, đáp ứng nhu cầu xã hội trong những giai đoạn phát triển tương ứng” [5, tr.125]. Nhóm tác giả này cho rằng: “Đào tạo nghề nghiệp với quan niệm là các hoạt động (quá trình) chuyển giao hệ thống tri thức, thái độ, các kinh nghiệm, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp, kinh nghiệm lao động thực tiễn của thế hệ trước đối với thế hệ sau” [5, tr.17].

Từ các khái niệm, hoạt động đào tạo được hiểu là quá trình hình thành, phát triển ở người học hệ thống năng lực và phẩm chất nghề nghiệp nói riêng và nhân cách nói chung, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong những giai đoạn phát triển tương ứng.

Hoạt động đào tạo được diễn ra theo quá trình đào tạo, trong đó trọng tâm là hoạt động dạy và học với nhiều mối quan hệ bên trong và bên ngoài trường. Đào tạo là quá trình tổ chức và thực hiện nhiệm vụ, nội dung đào tạo bằng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, các nguồn lực và đánh giá phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đào tạo.

*** Chương trình đào tạo**

Wentling.T (1993) cho rằng: CTĐT là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo (có thể là một khóa học kéo dài vài giờ, một ngày, một tuần hoặc một năm). Bản thiết kế tổng thể đó cho biết toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ những gì trông đợi ở người học sau khóa học. CTĐT phác họa ra quy trình cần thực hiện nội dung đào tạo, cho biết phương pháp đào tạo và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tất cả được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ.

Về cấu trúc của một CTĐT, Tyler (1949) cho rằng: CTĐT phải bao gồm 4 thành tố cơ bản, đó là: (1) Mục tiêu đào tạo; (2) Nội dung đào tạo; (3) Phương pháp và quy trình đào tạo; (4) Cách thức đánh giá kết quả đào tạo. Dựa theo cấu trúc của CTĐT, chúng ta thấy rõ quan điểm đào tạo, thể hiện được mối quan hệ giữa CTĐT với các nhân tố khác của quá trình đào tạo. Vì vậy, việc xây dựng và phát triển CTĐT của mỗi nhà trường trong một giai đoạn nhất định cần được tiến hành đồng bộ các nhân tố mục tiêu, nội dung, phương pháp, quy trình và cách thức đánh giá kết quả đào tạo.

CTĐT là một văn bản quy định mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học cần đạt được, cũng như cấu trúc và thời lượng học tập dành cho từng môn học, học phần trong một ngành đào tạo.

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong phát triển CTĐT: (1) Tiếp cận nội dung; (2) Tiếp cận mục tiêu; (3) Tiếp cận năng lực (tiếp cận phát triển).

Mỗi cách tiếp cận CTĐT có những đặc điểm riêng, có ưu điểm và hạn chế riêng, vì vậy, các nhà quản lý và các nhà sư phạm cần hiểu được bản chất của CTĐT để xây dựng cho phù hợp. Trong đó tiếp cận năng lực (tiếp cận phát triển) chính là tiếp cận CDR [6].

*** Chuẩn đầu ra**

Quan niệm về CDR của một số trường đại học trên thế giới đã cho thấy được tiếp cận theo kết quả học tập. Khái niệm CDR và khái niệm kết quả học tập có nhiều điểm trùng khớp với nhau.

Định hướng phát triển năng lực người học (CDIO) và đào tạo đại học định hướng nghề nghiệp-ứng dụng (POHE) đã và đang trở thành triết lý giáo dục, nền tảng lý luận của giáo dục đại học hiện đại. Từ đó, việc xây dựng CDR CTĐT theo hai cách tiếp cận này đang trở thành xu hướng tất yếu ở các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới.

CDR xây dựng theo phương pháp tiếp cận CDIO, POHE đều hướng tới chú trọng phát triển năng lực, phẩm chất, kỹ năng thực hành để người học có khả năng/năng lực thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp; chú trọng khả năng vận dụng kiến thức một cách năng động, sáng tạo để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp thường xuyên biến đổi.

Tiếp cận CDR trong mối quan hệ với chất lượng đào tạo, tác giả Lê Đức Ngọc định nghĩa: “CDR của một chương trình giáo dục (*Learning Outcomes*) là nội hàm chất lượng tối thiểu của người tốt nghiệp chương trình đó; là những chỉ số (*Indicators*) về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng/ kỹ xảo, tính cách/hành vi và khả năng/năng lực hay tổng quát hơn là các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm của sản phẩm đào tạo - người học có được sau khi kết thúc chương trình giáo dục đào tạo đó trong nhà trường”.

Theo Thông tư số 2196/BGDĐT-GDDH, “*CDR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo*” (Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng* [4].

Vậy, CDR của CTĐT là những yêu cầu tối thiểu đối với người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực thực hiện) cần đạt được và các yêu cầu đặc thù khác của từng ngành, nghề, trình độ đào tạo mà cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Theo đó, CDR được nhận diện qua ba nội dung cơ bản:

- Là chất lượng tối thiểu mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp.
- Là một hệ thống các giá trị, tiêu chí “chuẩn” cụ thể, bao gồm: chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ hay kiến thức, kỹ năng/kỹ xảo, năng lực/khả năng,

phẩm chất đạo đức mà sản phẩm đào tạo - người học phải đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

- Là phát biểu cam kết của cơ sở đào tạo về những kiến thức, kỹ năng/năng lực, thái độ mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Trong quá trình đào tạo, CDR phải được xây dựng trên 3 cấp độ: (1) CDR của ngành, nghề ở một trình độ đào tạo nhất định (CTĐT); (2) CDR của học phần/ mô-đun/ khóa học; (3) CDR của bài học.

CDR ở cấp độ 1 có tính khái quát hóa cao nhất; mức độ cụ thể hóa sẽ tăng dần ở cấp độ 2 đến cấp độ 3. CDR ở cấp độ thấp hơn được xem như những đơn vị, đơn nguyên của CDR ở cấp độ cao hơn. Trong khuôn khổ của đề tài chủ yếu nghiên cứu CDR ở cấp độ 1, tất nhiên luôn đặt trong mối quan hệ với CDR cấp độ 2 và 3 nhằm có quan niệm mang tính tổng thể, hệ thống về CDR của CTĐT.

Như vậy, CTĐT được hiểu là bản kế hoạch được trình bày một cách có hệ thống toàn bộ hoạt động đào tạo với thời gian xác định trong đó mô tả mục tiêu (chuẩn đầu ra), nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học, cách thức đánh giá kết quả đào tạo (đối chiếu với chuẩn đầu ra).

**** Phát triển chương trình đào tạo***

Phát triển CTĐT là quá trình liên tục hoàn thiện chương trình, có thể là xây mới một CTĐT cho một ngành nghề cụ thể hoặc cải tiến một CTĐT sẵn có. Sản phẩm của quá trình này là một bản mô tả đầy đủ, chi tiết các nội dung từ mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, hình thức đào tạo, phương pháp đo lường và đánh giá kết quả của người học [7, tr.33].

Xây dựng CTĐT thường được hiểu là quá trình thiết kế một CTĐT hoàn toàn mới. Trong khi đó, phát triển CTĐT là việc cải tiến, cập nhật hoặc chỉnh sửa một CTĐT đã có nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tiễn. Trên thực tế, hai khái niệm này có mối quan hệ mật thiết với nhau, bởi ngay cả khi xây dựng một chương trình mới, người ta vẫn cần dựa trên các nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ sẵn có.

Theo quan điểm của Ralph Tyler - một nhà giáo dục nổi tiếng người Mỹ, phát triển CTĐT là quá trình xây dựng một hệ thống đào tạo, trong đó phối hợp chặt chẽ các yếu tố như thời gian, không gian, vật chất, thiết bị và con người theo một trình tự khoa học nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo.

1.1.2. Các nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo

Phát triển CTĐT cần tuân theo 10 nguyên tắc cơ bản: (1) Thay đổi chương trình là tất yếu và không thể tránh khỏi; (2) Thay đổi chương trình là kết quả của sự phát triển xã hội và công nghệ; (3) Các thay đổi trong chương trình diễn ra liên tục và có sự kế thừa giữa các giai đoạn; (4) Thay đổi chương trình chỉ có hiệu quả khi con người thay đổi tư duy; (5) Xây dựng chương trình là một quá trình hợp tác nhóm; (6) Xây dựng chương trình là sự lựa chọn giữa nhiều phương án thay thế; (7) Xây dựng chương trình không bao giờ kết thúc; (8) Xây

dựng chương trình hiệu quả hơn khi tiếp cận theo hướng toàn diện thay vì từng phần; (9) Quá trình xây dựng chương trình cần có tính hệ thống; (10) Xây dựng chương trình bắt đầu từ chương trình hiện hành và dựa trên nhu cầu thực tiễn.

1.1.3. Chu trình phát triển chương trình đào tạo

Có nhiều mô hình phát triển CTĐT, trong đó nổi bật là mô hình của Tyler và Taba (1962), gồm 07 giai đoạn chính: (1) Đánh giá nhu cầu đào tạo; (2) Xác định mục tiêu đào tạo; (3) Lựa chọn nội dung đào tạo; (4) Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lý; (5) Xác định phương pháp học tập; (6) Tổ chức các hoạt động học tập; (7) Đánh giá kết quả đào tạo và điều chỉnh.

Một số mô hình phát triển CTĐT hiện đại tiếp cận theo hướng giải quyết vấn đề, chẳng hạn Kathryn Feyereisen đề xuất quy trình gồm 11 bước: (1) Xác định vấn đề trong đào tạo; (2) Khảo sát thực trạng và nguyên nhân của vấn đề; (3) Tìm kiếm các giải pháp khả thi; (4) Lựa chọn giải pháp tối ưu; (5) Thẩm định và phê duyệt giải pháp; (6) Chính thức ban hành chương trình đào tạo; (7) Thử nghiệm chương trình trên quy mô nhỏ; (8) Chuẩn bị các điều kiện triển khai chương trình; (9) Triển khai chương trình trên diện rộng; (10) Hướng dẫn và bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình; (11) Đánh giá hiệu quả và tiếp tục điều chỉnh.

Quy trình phát triển CTĐT là một quá trình khép kín, bao gồm các giai đoạn sau: (1) Phân tích, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động và của nhà trường; (2) Thiết kế chương trình đào tạo; (3) Thực hiện chương trình đào tạo; (4) Đánh giá CTĐT [7, tr.32-37], cụ thể:

- *Giai đoạn 1: Phân tích, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động và của nhà trường*, gồm các công việc sau:

+ Phân tích nhu cầu của thị trường lao động hiện tại cũng như dự báo thị trường lao động trong tương lai: Điều tra, khảo sát các đơn vị lao động liên quan đến ngành nghề đào tạo; chất lượng đào tạo (nếu đã đào tạo); phân tích và đánh giá nhu cầu sử dụng lao động.

+ Xây dựng hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực và CDR cần có của ngành nghề đào tạo. Trong đó: hồ sơ nghề nghiệp chứa đựng các thông tin cơ bản về nhiệm vụ, kiến thức và kỹ năng cần có cho vị trí công việc sẽ được chọn đào tạo. Hồ sơ năng lực (mục tiêu đào tạo) là tập hợp các mô tả năng lực cụ thể và phân biệt các mức khác nhau cho mỗi năng lực. CDR là tập hợp các năng lực cốt lõi mà người học cần đạt được ở mức độ cao nhất khi tốt nghiệp.

+ Cập nhật thông tin về chính sách giáo dục và chính sách phát triển ngành của Nhà nước, nhu cầu và mong muốn của người học.

+ Phân tích nhu cầu của người học đối với chương trình đào tạo/ ngành nghề đào tạo.

+ Phân tích thực trạng triển khai CTĐT để đánh giá nhu cầu phát triển CTĐT, gồm: hiện trạng về cơ sở vật chất; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và

nhân viên; nguồn tuyển sinh; căn cứ pháp lý hiện hành; cách thức vận hành chương trình đào tạo; phân tích ưu điểm và hạn chế của chương trình đang vận hành.

- *Giai đoạn 2: Thiết kế chương trình đào tạo*, gồm các công việc sau:

+ Xác định mục tiêu đào tạo: Dựa trên các mức độ năng lực được mô tả cụ thể thể hiện năng lực mong đợi ở người học giải quyết các tình huống nghề nghiệp đặc trưng. Các mục tiêu học tập được phân bổ hợp lý và phù hợp cho việc hình thành năng lực và kết nối với chuẩn đầu ra.

+ Xác định được CDR đối với chương trình đào tạo

+ Xây dựng khung chương trình đào tạo: Xác định các môn học/ mô đun tương ứng với mục tiêu, chuẩn đầu ra; trình tự các môn học đảm bảo tính logic, khoa học.

+ Xác định phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, môi trường học tập thích hợp cho việc đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra.

+ Xây dựng phương pháp đánh giá thành tích và kết quả học tập.

+ Hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình đào tạo.

- *Giai đoạn 3: Thực hiện chương trình đào tạo*, gồm các công việc sau:

Quá trình triển khai thực hiện CTĐT thể hiện qua thời gian thực học; các hoạt động dạy học trong và ngoài nhà trường; các môn học chung, môn cơ sở và môn chuyên ngành; tổ chức học lý thuyết, thực hành, thực tập,... Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giảng viên, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động đào tạo. Nhà trường tổ chức khảo sát giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên và đơn vị phối hợp tổ chức thực tập để cải tiến việc tổ chức các hoạt động đào tạo.

- *Giai đoạn 4: Đánh giá chương trình đào tạo*, gồm các công việc sau:

- Căn cứ vào các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định CTĐT để các nhà trường tổ chức tự đánh giá.

- Thu thập thông tin đối với các bên liên quan đến chương trình đào tạo; quan trọng nhất là đơn vị sử dụng lao động và người học sau tốt nghiệp.

- Tổ chức đánh giá ngoài CTĐT (kiểm định CTĐT).

1.1.4. Đặc điểm phát triển chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp

Từ năm 2003, CTĐT nghề ở Việt Nam được xây dựng theo “Quy định về nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình dạy nghề” ban hành kèm theo Quyết định số 212/2003/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Đến nay, Bộ đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và ban hành chương trình khung cho hơn 200 ngành, nghề ở trình độ cao đẳng và trung cấp.

Bên cạnh đó, một số ngành nghề đào tạo thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. Từ tháng 10 năm 2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và năm 2017 chuyển giao cấp quản lý Nhà nước về giáo dục (đối với các ngành ngoài sư phạm của các trường cao đẳng và trung cấp) thuộc về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Cấu trúc CTĐT nghề trình độ cao đẳng và trung cấp thường bao gồm: Khối kiến thức chung (Chính trị, Pháp luật, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng...); Khối kiến thức cơ sở ngành (cung cấp nền tảng chuyên môn chung cho ngành đào tạo); Khối kiến thức chuyên ngành (các môn học nghề, thực hành, thực tập, tốt nghiệp).

Tỷ lệ thời gian đào tạo: Khối kiến thức chung: khoảng 1 học kỳ đối với chương trình 3 năm, nửa học kỳ đối với chương trình 2 năm; Khối kiến thức cơ sở ngành: khoảng 1-1,5 học kỳ; Khối kiến thức chuyên ngành: khoảng 3-4 học kỳ, bao gồm cả thực hành, thực tập.

Mỗi trường được phép điều chỉnh 25% nội dung chương trình để phù hợp với điều kiện thực tế, yêu cầu lao động tại địa phương và nhu cầu doanh nghiệp. Đây được gọi là phần mềm của chương trình. Phần cứng (75%) là các nội dung cốt lõi, do Bộ quy định để đảm bảo tính thống nhất trên toàn quốc.

Trên cơ sở chương trình khung, các trường có trách nhiệm xây dựng CTĐT cụ thể phù hợp với điều kiện của trường; biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy; định kỳ rà soát, cập nhật chương trình để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Nhìn chung, việc phát triển CTĐT nghề trong bối cảnh hiện nay cần hướng đến tính linh hoạt, thực tiễn, cập nhật công nghệ mới và phù hợp với yêu cầu doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển chương trình giáo dục theo năng lực người học.

- Chỉ thị số 21- CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Luật Giáo dục năm 2019: Quy định về hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển chương trình giáo dục theo hướng đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Luật Giáo dục Nghề nghiệp năm 2014: Đề cập đến các quy định về xây dựng, phát triển CTĐT nghề nghiệp theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

- Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo.

- Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam, làm căn cứ để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng CĐR cho chương trình đào tạo.

- Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 7/3/2019 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng theo chuẩn đầu ra, phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về chuẩn CTĐT trình độ đại học, trong đó có yêu cầu về CĐR và phương pháp xây dựng CTĐT dựa trên năng lực thực tiễn của người học.

- Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/2/2024 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực trạng phát triển CTĐT giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam

Trong những năm qua, giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam đã có nhiều đổi mới, đặc biệt là trong việc xây dựng và phát triển CTĐT theo hướng tiếp cận

CĐR. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các CTĐT tại nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn còn gặp nhiều hạn chế như: CTĐT chưa cập nhật kịp thời theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; nội dung chương trình còn nặng về lý thuyết, chưa cân đối với thời lượng thực hành, thực tập nghề nghiệp; việc liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong xây dựng CTĐT chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng sinh viên tốt nghiệp vẫn thiếu kỹ năng thực tế; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực hành của người học.

2.2. Thực trạng CTĐT tại Trường CĐSP Lạng Sơn

Năm 1997, Trường CĐSP Lạng Sơn được nâng cấp từ trường Trung học lên cao đẳng theo Quyết định số 374/TTg của Thủ tướng Chính phủ; sáp nhập của Trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật (năm 2017), Trường Trung cấp Văn hóa-Nghệ thuật, Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) (năm 2019). Lợi thế năng lực đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở gần 64 năm và 25 năm đào tạo đa ngành. Hiện nay, quy mô đào tạo các ngành giáo dục nghề nghiệp hằng năm khoảng 1.000 học sinh, sinh viên, ưu thế đào tạo thuộc về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Cũng giống như các trường CĐSP khác, trước đó, Nhà trường đào tạo đa ngành dưới sự quản lý của ngành Giáo dục và Đào tạo. Từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và chuyển giao cấp quản lý nhà nước về giáo dục về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với 19 mã ngành nghề (08 ngành trình độ cao đẳng và 11 ngành trình độ trung cấp) thuộc 07 lĩnh vực: Nhân văn; Nghệ thuật; Nông, Lâm nghiệp; Kinh doanh và Quản lý; Pháp luật; Thông tin và truyền thông; Máy tính và Công nghệ thông tin.

Năm học 2024-2025, Nhà trường đang đào tạo 05 ngành giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng (Tiếng Trung Quốc, Tiếng Anh, Kế toán, Thanh Nhạc, Tin học ứng dụng) và 05 ngành trình độ trung cấp (Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc, Thanh nhạc, Biểu diễn nhạc cụ phương Tây, Hội họa). Một số ngành nghề đã được cấp phép nhưng không tuyển sinh được.

Hằng năm, Nhà trường khảo sát các đơn vị sử dụng lao động; học sinh, sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo. Số lượng người học có việc làm sau tốt nghiệp chiếm trên 80%, thích ứng nhanh với công việc và có thu nhập khá tốt. Một số sinh viên được hỗ trợ kinh phí trong quá trình thực tập, được đơn vị sử dụng lao động tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Các đơn vị sử dụng lao động khá hài lòng về năng lực nghề nghiệp và sự thích ứng của học sinh, sinh viên với công việc được giao.

Trong thời gian qua, nhà trường đã có những bước tiến trong việc đổi mới và phát triển CTĐT, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn như: CTĐT của một số ngành chưa thực sự linh hoạt, chưa đáp ứng nhanh với những thay đổi của thị trường lao động. Việc cập nhật chương trình theo hướng tiếp cận CDR chưa được thực hiện đồng bộ giữa các ngành đào tạo. Hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở sử dụng lao động của địa phương còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng thực hành và khả năng ứng dụng thực tế của sinh viên sau tốt nghiệp. Đội ngũ giảng viên chưa được đào tạo và bồi dưỡng bài bản về phương pháp xây dựng chương trình theo tiếp cận CDR. Năng lực tự học, tự bồi dưỡng của giảng viên còn hạn chế. Nhà trường đã tiến hành khảo sát các bên liên quan về chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường nhưng việc sử dụng kết quả khảo sát còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng CTĐT.

2.3. Nhu cầu và yêu cầu phát triển CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra

Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn và xu hướng đổi mới giáo dục nghề nghiệp, việc phát triển CTĐT tại Trường CĐSP Lạng Sơn theo hướng đáp ứng CDR là một yêu cầu cấp thiết. Cụ thể: CTĐT phải được xây dựng dựa trên khảo sát nhu cầu lao động thực tế tại địa phương và vùng lân cận. Nội dung chương trình cần được cập nhật thường xuyên để phù hợp với xu thế phát triển của khoa học, công nghệ và yêu cầu từ doanh nghiệp. Tăng cường thời lượng thực hành, thực tập, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng nghề cho sinh viên. Xây dựng cơ chế đánh giá và cập nhật chương trình một cách linh hoạt, đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.

Những vấn đề thực tiễn trên là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp chỉ đạo phát triển CTĐT giáo dục nghề nghiệp tại Trường CĐSP Lạng Sơn, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp và góp phần phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh Lạng Sơn.

III – NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Nội dung và những kết quả nghiên cứu của sáng kiến

Để thực hiện sáng kiến, tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Đọc và tìm hiểu cơ sở lý luận để hệ thống hóa các lý thuyết về công tác đào tạo và định hướng nghiên cứu thực tiễn.
- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp tổng kết thực tiễn, lấy ý kiến chuyên gia, đàm thoại....
- Phương pháp thống kê toán học: Tổng hợp, thống kê các số liệu, dữ liệu thu được trong quá trình nghiên cứu.

Trên nội dung và nhiệm vụ đã thực hiện, sáng kiến đã đề xuất các biện pháp chỉ đạo, cụ thể như sau:

1.1. Nâng cao năng lực quản lý và phát triển chương trình đào tạo

*** Mục tiêu:**

Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện quản lý và phát triển chương trình đào tạo cho lãnh đạo các đơn vị, giảng viên trong nhà trường.

*** Nội dung và cách thức thực hiện**

- Cập nhật các quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo do cấp quản lý nhà nước về đào tạo giáo dục nghề nghiệp. Trong đó quy định đối với các môn chung, các môn chuyên ngành đối với các ngành nghề đào tạo.

- Ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.

- Tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn giảng viên phát triển chương trình đào tạo, trong đó chú trọng hướng dẫn xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của các ngành nghề đào tạo; chuẩn đầu ra của từng môn học và chuẩn đầu ra của từng bài học phù hợp với quy định và yêu cầu của thị trường lao động. Đồng thời tổ chức tập huấn về việc xây dựng ma trận đề thi, ngân hàng đề thi và viết câu hỏi thi.

- Chỉ đạo các đơn vị khoa, tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn về phát triển chương trình đào tạo; trong đó chú trọng xác định ma trận kiến thức, kỹ năng và năng lực cho từng môn học.

- Ban hành văn bản giao trách nhiệm quản lý CTĐT, chương trình môn học cho các tổ chuyên môn, các khoa đào tạo. Chẳng hạn: Tổ Tiếng Trung Quốc quản lý CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc; Tổ Tiếng Anh quản lý CTĐT ngành Tiếng Anh; Khoa Ngoại ngữ phụ trách ngành, quản lý học sinh, sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc và Tiếng Anh.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo trong nhà trường. Cụ thể:

+ Đối tượng: Các khoa, tổ chuyên môn phụ trách quản lý chương trình đào tạo, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình môn học: Các khoa và tổ chuyên môn trực thuộc các khoa. Nhà giáo thực hiện chương trình môn học.

+ Nội dung kiểm tra: Công tác quản lý CTĐT; Quản lý và thực hiện chương trình môn học. Việc giảng dạy đáp ứng mục tiêu môn học. Việc chấp hành và thực hiện các quy chế đào tạo, quy định quản lý và lưu trữ hồ sơ sổ sách đào tạo, quy định về quản lý CTĐT, chương trình môn học của nhà trường.

1.2. Tăng cường khảo sát và sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan để phát triển chương trình đào tạo

*** Mục tiêu:** Khảo sát các bên liên quan, đặc biệt là nhu cầu sử dụng, tuyển dụng lao động của cơ sở sử dụng lao động động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các vùng lân cận để đảm bảo CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tiễn của

thị trường lao động.

Nội dung và cách thức thực hiện:

- Tiến hành khảo sát định kỳ về nhu cầu lao động của cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các vùng lân cận; Thu thập thông tin từ cựu sinh viên về mức độ phù hợp của CTĐT với công việc thực tế; xây dựng hệ thống dữ liệu về yêu cầu kỹ năng, kiến thức từ thị trường lao động để làm cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo. Nắm bắt nhu cầu nguồn nhân lực, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp và yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, nhà trường xây dựng đề án mở các mã ngành đào tạo cho các năm học tiếp theo.

- Khảo sát các cơ sở sử dụng lao động: Tổ chức các hội thảo, tọa đàm giữa nhà trường, doanh nghiệp và cựu sinh viên để đánh giá chương trình đào tạo. Thiết lập hệ thống phản hồi trực tuyến để thu thập ý kiến về chất lượng chương trình. Phân tích dữ liệu thu thập và đưa ra đề xuất cải tiến nội dung đào tạo.

- Khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm, thu nhập và chương trình đào tạo; Khảo sát cơ sở sử dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp cũng như nhu cầu việc làm của thị trường lao động. Khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và cơ hội việc làm của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình sau:

+ Thành lập Ban khảo sát và hộp thư tiếp nhận kết quả: Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng Khoa học công nghệ và Đảm bảo chất lượng làm đầu mối thực hiện công tác khảo sát. Hộp thư tiếp nhận có thể trực tiếp hoặc gián tiếp.

+ Xây dựng mẫu phiếu khảo sát về các công việc sau khi học sinh sinh viên tốt nghiệp cũng như những ngành nghề và tiêu chuẩn nghề nghiệp mà thị trường lao động đang cần.

+ Lập danh sách đối tượng cần khảo sát

+ Thu thập thông tin khảo sát

+ Tổng hợp, phân tích kết quả bằng phần mềm đã xây dựng.

+ Báo cáo kết quả khảo sát cho các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời là thông tin cơ sở để nhà trường xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo; phát triển chương trình đào tạo.

- Các hình thức khảo sát:

+ Qua mạng Internet như website, facebook, email, zalo và điện thoại.

+ Gửi phiếu khảo sát theo địa chỉ cần cung cấp.

+ Phỏng vấn trực tiếp cơ sở sử dụng lao động; sinh viên có hộ khẩu tại thành phố Lạng Sơn và vùng lân cận; sinh viên về nhận văn bằng, chứng chỉ.

+ Liên hệ với cựu sinh viên đang công tác, làm việc tại các cơ quan, công ty, nhà máy, doanh nghiệp...

+ Tổ chức diễn đàn, hội thảo trao đổi về nhu cầu của thị trường lao động giữa nhà trường và cơ sở sử dụng.

- Phát triển CTĐT trên cơ sở thông tin điều tra, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và cơ hội việc làm của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp, phù hợp với thực tế của nhà trường, của thị trường lao động cũng như đáp ứng yêu cầu của các đơn vị quản lý.

1.3. Cập nhật nội dung chương trình đào tạo toàn khóa, chương trình môn học theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động

*** Mục tiêu:** Xây dựng CTĐT đảm bảo kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với chuẩn đầu ra đối với từng ngành nghề đào tạo.

*** Nội dung và cách thức thực hiện:**

- Nội dung:

+ Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các học phần/ môn học phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề; tích hợp các kỹ năng mềm, công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào chương trình đào tạo; tăng cường các nội dung thực hành, mô phỏng tình huống nghề nghiệp trong quá trình giảng dạy; định kỳ cập nhật chương trình theo tiến bộ khoa học và công nghệ. Đặc biệt là đưa năng số vào một số chương trình đào tạo đã được xây dựng.

+ Xây dựng chương trình hợp tác đào tạo “Lớp chuyên ban” theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp: Chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp là một mô hình hiệu quả, giúp cả nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên đều đạt được lợi ích thiết thực. Nhà trường đảm bảo sinh viên được đào tạo sát với nhu cầu thực tế, doanh nghiệp có nguồn lao động chất lượng cao mà không cần đào tạo lại, còn sinh viên có cơ hội việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

+ Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các ngành nghề giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, hội đồng có trách nhiệm vừa tư vấn, thẩm định CTĐT, chương trình môn học; đặc biệt là việc xác định chuẩn đầu ra đảm bảo đúng quy định.

+ Xây dựng cơ chế cập nhật nội dung học tập dựa trên phản hồi từ doanh nghiệp và người học. Trong đó, chú trọng các việc đo lường được chuẩn đầu ra của mỗi môn học cũng như từng bài học.

+ Tổ chức các hoạt động thực tập, thực tế tại doanh nghiệp cho cả giảng viên và sinh viên. Trong đó, chú trọng các hoạt động hội thảo giữa doanh nghiệp, giảng viên và sinh viên trong hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp. Từ đó định hướng bổ sung các nội dung giáo dục nghề nghiệp cho sinh viên đặc biệt là kỹ năng tin học, ngoại ngữ và kỹ năng mềm.

+ Phát triển các học phần đào tạo thực tế tại doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp.

+ Thử nghiệm các phương pháp giảng dạy hiện đại như học tập theo dự án, mô phỏng nghề nghiệp, lớp học đảo ngược trước khi triển khai chính thức vào chương trình đào tạo.

1.4. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các hoạt động đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra

*** Mục tiêu:**

Nâng cao chất lượng giảng viên để đảm bảo CTĐT được thực hiện hiệu quả. Cải thiện chất lượng dạy và học thông qua nâng cấp trang thiết bị, phòng thực hành.

*** Nội dung và cách thức thực hiện:**

- Nâng cao chất lượng đội ngũ trong công tác quản lý và đào tạo

+ Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về vị trí, vai trò của việc trau dồi các phẩm chất đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Trong tiến trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo yêu cầu giảng viên thường xuyên cập nhật chính sách trong quản lý đào tạo để từng bước thay đổi nhận thức và hành động.

+ Hằng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến giảng viên đánh giá cán bộ quản lý, sinh viên đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm nâng cao trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, làm tốt công tác đánh giá và tự đánh giá. Đồng thời, nhà trường có hình thức xử lý kịp thời với những giảng viên vi phạm đạo đức và kỷ luật lao động.

+ Xây dựng đề án vị trí việc làm, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp; tạo điều kiện cho giảng viên tham gia nghiên cứu, hội thảo, hội nghị khoa học cũng như học tập và bồi dưỡng trình độ, năng lực chuyên môn- nghiệp vụ, năng lực tin học và ngoại ngữ.

+ Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia tập huấn bồi dưỡng chuẩn chức nghề nghiệp; xây dựng CTĐT nghề nghiệp; khuyến khích giảng viên tham gia các khóa học nâng cao kỹ năng giảng dạy; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng định kỳ, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm cho giảng viên.

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, ứng dụng công nghệ thông tin; đặc biệt là ứng dụng AI trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề nghiệp

+ Xây dựng kế hoạch đầu tư trang thiết bị theo từng giai đoạn phù hợp với ngân sách nhà trường. Ưu tiên đầu tư vào các phòng thực hành đạt chuẩn, trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo nghề. Bổ sung cơ sở vật chất, phòng học, học liệu cũng như thực hiện tốt chế độ chính sách cho học sinh sinh viên; tạo điều kiện cho học sinh sinh viên học 02 chuyên ngành cùng một lúc như chuyên

ngành Tiếng Trung Quốc - Tiếng Anh, Tiếng Trung - Tin học, Tiếng Trung - Kế toán; miễn giảm học phí cho học sinh sinh viên học ngoại ngữ, tin học tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường trong quá trình đào tạo.

+ Kêu gọi sự hỗ trợ từ doanh nghiệp và các tổ chức để nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo; thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia trong việc đầu tư cơ sở vật chất.

1.5. Tổ chức đào tạo theo hướng tăng cường liên kết với cơ sở sử dụng lao động

*** Mục tiêu:**

Tổ chức đào tạo theo tín chỉ, trong đó chú trọng phát triển năng lực và phẩm chất của người học; năng lực thực hành nghề nghiệp, phẩm chất nghề nghiệp; đặc biệt là năng lực tự học, tự nghiên cứu giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng và thích ứng nhanh với các ngành nghề được đào tạo cũng như công việc mà các em lựa chọn.

Đưa doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo nhằm nâng cao tính thực tiễn của chương trình.

*** Nội dung và cách thức thực hiện:**

- Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo toàn khóa và chương trình môn học một cách linh hoạt, chủ động, sáng tạo; trong đó tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thực tế, thực hành nghề nghiệp. Các hoạt động dạy học hướng về người học, tổ chức các hoạt động dự án học tập, học tập hợp tác, sử dụng hồ sơ học tập và tăng cường hoạt động tự đánh giá phù hợp với khả năng của học sinh sinh viên.

- Ký kết hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, thực tập và hướng dẫn nghề nghiệp; Mời chuyên gia từ doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành; Phát triển các CTĐT theo mô hình đào tạo kép, kết hợp giữa học tại trường và thực hành tại doanh nghiệp. Thiết lập các chương trình thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp với lộ trình cụ thể. Tổ chức hội thảo với sự tham gia của doanh nghiệp để chia sẻ yêu cầu thực tế. Xây dựng CTĐT theo đặt hàng của doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính ứng dụng cao.

- Chú trọng các hoạt động ngoại khóa, thực tế, thực hành và thực tập nghề nghiệp. Đối với chuyên ngành Tiếng Trung Quốc được coi là mũi nhọn, chương trình thực tập giữa khóa và thực tập tốt nghiệp với các cơ sở giáo dục của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tổ chức hoạt động ngoại khóa và trao đổi với giảng viên về phương pháp giảng dạy. Sinh viên được tìm hiểu văn hóa phong tục tập quán, thư pháp; tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế xã hội và được luyện thi chứng chỉ HSK.

- Tổ chức các lớp học kỹ năng mềm: Tận dụng tối đa các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập hiện có; Mời các giảng viên có chuyên môn và kinh nghiệm đến giảng dạy; Hỗ trợ tài liệu, kinh phí học tập cho những

sinh viên nghèo; Kiểm tra, đánh giá kịp thời sau chuyên đề, sinh viên nào không đạt thì bắt buộc phải học lại đồng thời biểu dương những sinh viên tích cực, đạt kết quả cao trong học tập.

Nhờ có sự nghiêm túc trong công tác đào tạo, chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp được các cơ sở sử dụng đánh giá cao. Một số sinh viên có trình độ và năng lực ngôn ngữ được đánh giá bằng hoặc cao hơn so với sinh viên các trường đại học khác cùng chuyên môn.

2. Thảo luận, đánh giá kết quả thu được

2.1. Tính mới, tính sáng tạo

- Cập nhật, xây dựng được hệ thống văn bản quản lý về phát triển chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp theo hướng đáp ứng CĐR tại Trường CĐSP Lạng Sơn vừa đảm bảo quy định của cấp trên về phát triển chương trình, vừa đảm bảo các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời tăng cường trách nhiệm của các đơn vị khoa trong quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo gắn kết với hoạt động đào tạo. Trong năm học 2024-2025, chỉ đạo Phòng QLĐT&HTQT tham mưu, xây dựng được hệ thống văn bản về quản lý việc phát triển chương trình đào tạo, cụ thể:

+ Hướng dẫn số 302/HD-CĐSP ngày 03/7/2024 về Một số nội dung trong xây dựng chương trình đào tạo theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong đó có các biểu mẫu về Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo và Chương trình dạy học.

+ Quyết định số 181/QĐ-CĐSP ngày 03/5/2024 ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.

+ Quyết định số 569/QĐ-CĐSP ngày 28/11/2024 ban hành Quy định thực tập đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Văn bản số 70/CĐSP ngày 14/02/2024 về việc giao trách nhiệm quản lý CTĐT, CTMH.

+ Quyết định số 82/QĐ-CĐSP ngày 19/3/2025 Kiểm tra chuyên đề Quản lý và tổ chức đào tạo năm học 2024-2025; kế hoạch số 129/KH-CĐSP ngày 17/3/2025 kiểm tra chuyên đề quản lý và tổ chức đào tạo năm học 2024-2025.

+ Một số kế hoạch đào tạo, thực tập, thực tế, trải nghiệm của các ngành nghề đào tạo liên quan đến việc tổ chức hoạt động đào tạo.

- Triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo như:

+ Ký kết các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp; Gắn kết giữa hoạt động đào tạo với hoạt động đảm bảo chất lượng, tạo môi trường hoạt động hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo; phát huy hiệu

quả ưu thế của cựu sinh viên là cán bộ quản lý của các doanh nghiệp trong việc tư vấn, hỗ trợ các đề xuất để đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát các bên liên quan, nhu cầu lao động và phản hồi chất lượng đào tạo nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời chương trình.

+ Đưa doanh nghiệp tham gia sâu vào đào tạo, không chỉ dưới dạng thực tập mà còn trong thiết kế chương trình, giảng dạy và đánh giá năng lực sinh viên.

+ Tích hợp đào tạo đa kỹ năng, kết hợp giữa kiến thức chuyên môn với các kỹ năng mềm, công nghệ số, ngoại ngữ để tăng tính cạnh tranh của sinh viên sau tốt nghiệp.

+ Hợp tác với doanh nghiệp trong đầu tư cơ sở vật chất, giúp nâng cấp thiết bị thực hành theo chuẩn doanh nghiệp, tạo môi trường học tập sát với thực tế.

- Xây dựng CTĐT mở, có tính linh hoạt cao, cho phép điều chỉnh nhanh theo yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

Những điểm đổi mới trên giúp CTĐT tại Trường CĐSP Lạng Sơn không chỉ đáp ứng CDR mà còn nâng cao chất lượng, đảm bảo sinh viên có đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động.

2.2. Khả năng áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến

a) Khả năng áp dụng hoặc áp dụng thử, nhân rộng

Cũng giống như các trường CĐSP khác, trước đó, Nhà trường đào tạo đa ngành dưới sự quản lý của ngành Giáo dục và Đào tạo. Từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và chuyển giao cấp quản lý nhà nước về giáo dục (đối với các ngành ngoài sư phạm của các trường cao đẳng và trung cấp) về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Nhà trường đăng ký và được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với 19 mã ngành nghề (08 ngành trình độ cao đẳng và 11 ngành trình độ trung cấp) thuộc 07 lĩnh vực: Nhân văn; Nghệ thuật; Nông, Lâm nghiệp; Kinh doanh và Quản lý; Pháp luật; Thông tin và truyền thông; Máy tính và Công nghệ thông tin.

Năm 2024, theo yêu cầu của cấp quản lý giáo dục cũng như yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường triển khai phát triển (bổ sung, hoàn thiện) các chương trình đào tạo ngành nghề trung cấp, cao đẳng giáo dục nghề nghiệp. Các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được ban hành theo Quyết định số 346/QĐ-CĐSP ngày 12/8/2024; các chương trình đào tạo trình độ trung cấp được ban hành theo Quyết định số 343/QĐ-CĐSP ngày 12/8/2024;

Bảng 1. Phát triển CTĐT các ngành giáo dục nghề nghiệp đang tổ chức đào tạo

STT	Ngành	Trình độ đào tạo
1	Tiếng Trung Quốc	Cao đẳng
2	Tiếng Anh	Cao đẳng
3	Kế toán	Cao đẳng
4	Thanh nhạc	Cao đẳng
5	Tin học ứng dụng	Cao đẳng
6	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Trung cấp
7	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	Trung cấp
8	Thanh nhạc	Trung cấp
9	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	Trung cấp
10	Múa	Trung cấp
11	Hội họa	Trung cấp

Đồng thời, nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện 08 chương trình đào tạo sau khi được cấp phép để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh năm 2025.

Bảng 2. Phát triển CTĐT các ngành giáo dục nghề nghiệp chuẩn bị cho công tác tuyển sinh các năm tiếp theo

STT	Ngành	Trình độ đào tạo
1	Văn hóa- Du lịch	Cao đẳng
2	Tư pháp cơ sở	Cao đẳng
3	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp
4	Pháp luật	Trung cấp
5	Chăn nuôi thú y	Trung cấp
6	Quản lý kinh doanh nghề nghiệp	Trung cấp
7	Thương mại điện tử	Trung cấp

Tổ chức hoạt động đào tạo đối với các CTĐT tuyển sinh được để thực hiện chương trình đảm bảo chuẩn đầu ra. Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp, trong đó chú trọng đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực, gắn với thị trường lao động. Tổ chức đào tạo 02 chương trình trong quá trình sinh viên học tập tại trường như: Tiếng Anh và Tiếng Trung Quốc, Tiếng Trung Quốc và Kế toán, Tiếng Anh và Kế toán,... Tăng cường thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động; gắn kết với thực tiễn và đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động. Tổ chức cho giảng viên và sinh viên tham gia các hoạt động thực tập tại cơ sở sử dụng lao động. Phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm học sinh,

sinh viên; tổ chức tư vấn, tuyển chọn tham gia thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên các ngành giáo dục nghề nghiệp; tổ chức hướng dẫn các dự án ý tưởng khởi nghiệp cho sinh viên. Kết nối trở lại hoạt động liên kết đào tạo, ký thỏa thuận hợp tác với các cơ sở giáo dục của Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc.

Rà soát, bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo danh mục thiết bị tối thiểu cho từng ngành nghề. Bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo; phát triển nguồn học liệu giấy và đa dạng hóa học liệu điện tử phục vụ hoạt động dạy học. Tranh thủ các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia để hiện đại hóa và đồng bộ hóa trang thiết bị đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, bồi dưỡng các ngành nghề. Đa dạng hóa các phương thức kiểm tra-đánh giá, triển khai xây dựng và sử dụng ngân hàng đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra. Tăng cường công tác dự giờ, tổ chức hội thi giảng viên giỏi, sáng tạo đồ dùng dạy học, kiểm tra nội bộ hoạt động đào tạo.

Bảng 3. Ngành đào tạo và quy mô đào tạo GDNN năm học 2024-2025

STT	Ngành	Trình độ đào tạo	Quy mô (Tháng 12/2024)
1	Tiếng Trung Quốc	Cao đẳng	646
2	Tiếng Anh	Cao đẳng	99
3	Kế toán	Cao đẳng	111
4	Thanh nhạc	Cao đẳng	8
5	Tin học ứng dụng		56
6	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Trung cấp	47
7	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	Trung cấp	7
Tổng			974

Ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát, đánh giá CTĐT có thể áp dụng trên quy mô lớn, giúp tối ưu hóa quá trình cập nhật CTĐT theo thực tế thị trường. Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng, xây dựng hệ thống tài liệu đảm bảo chất lượng, khảo sát các bên liên quan, tự đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo); mời trung tâm kiểm định CATD (Hiệp hội các trường cao đẳng cộng đồng) tập huấn, tư vấn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Từ đó, triển khai tự đánh giá các CTĐT và cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Trong giai đoạn tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện phát triển chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như các trường có điều kiện tương tự, bởi lẽ:

Có đầy đủ căn cứ pháp lý cho các trường CĐSP đào tạo và phát triển các ngành nghề thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như: Luật Giáo dục 2019; Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Điều lệ Trường CĐSP; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025",...

Việc sáp nhập Trường CĐ Nghề Lạng Sơn, Trường CĐ Y tế Lạng Sơn vào Trường CĐSP Lạng Sơn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Lạng Sơn là nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/7/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị Quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng Khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới giáo dục nghề nghiệp thời kì 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực hiện yêu cầu về sắp xếp tổ chức bộ máy của trung ương, địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Việc sáp nhập ba trường cao đẳng và đổi tên thành Trường Cao đẳng Lạng Sơn mở ra hướng đi mới cho tỉnh trong công tác đào tạo đa ngành nghề (đào tạo giáo viên, y, dược, du lịch, ngôn ngữ, công nghệ, kỹ thuật...) và cơ cấu lại ngành nghề đào tạo theo hướng cắt giảm hoặc loại bỏ những ngành nghề, trình độ đào tạo không có thế mạnh, không có nhu cầu của thị trường lao động; đổi mới toàn diện, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành, phát huy hiệu quả nguồn lực con người, cơ sở vật chất của các nhà trường, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tương xứng với tiềm năng và nguồn lực được giao. Khi đó, việc phát triển các chương trình đào tạo được áp dụng nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

b) Khả năng mang lại lợi ích thiết thực

b1) Phù hợp của chương trình đào tạo với hoạt động thực tiễn tại đơn vị sử dụng lao động

Để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với hoạt động thực tiễn tại đơn vị sử dụng lao động, tác giả khảo sát 347 sinh viên và cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2024 của các ngành Giáo dục nghề nghiệp về CTĐT với 09 tiêu chí. Phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng và câu hỏi mở phù hợp với nội dung và đối tượng khảo sát. Trong đó, câu hỏi đóng sử dụng thang Likert gồm 04 mức độ: (1) Không hài lòng; (2) Phân vân; (3) Hài lòng; (4) Rất hài lòng.

Đối với nội dung khảo sát bằng câu hỏi đóng với 04 mức độ được quy điểm như sau:

Bảng 4. Thang đánh giá và thang xếp hạng cho các mức độ của thang đo

Stt	Mức độ	Thang đánh giá	Thang xếp hạng
1	Rất hài lòng	3,26 – 4,0	4
2	Hài lòng	2,51 – 3,25	3
3	Phân vân	1,76 – 2,50	2
4	Không hài lòng	1,0 – 1,75	1

Kết quả khảo sát “Chương trình đào tạo” với hệ số Cronbach's Alpha là 0,94 (thang đo lường rất tốt).

Bảng 5. Mức độ hài lòng của người học về chương trình đào tạo

T T	Tiêu chí	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, cụ thể	1,7	6,3	74,6	17,3	3,08	0,30
2	Cấu trúc của CTĐT hợp lý, đáp ứng chuẩn đầu ra	2,0	14,1	69,7	14,1	2,96	0,36
3	CTĐT và chuẩn đầu ra của Nhà trường được công khai tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau	1,7	8,4	75,2	14,7	3,03	0,30
4	Các môn học trong CTĐT gắn kết, liên mạch, thống nhất	2,3	11,5	72,3	13,8	2,98	0,35
5	Khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn trong CTĐT là phù hợp	3,2	12,7	70,9	13,3	2,94	0,38
6	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTĐT là hợp lý	2,6	12,7	71,5	13,3	2,95	0,36
7	Các học phần trong CTĐT đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra	1,7	12,1	72,3	13,8	2,98	0,33
8	CTĐT được thiết kế linh hoạt, tạo thuận lợi cho người	2,6	11,8	73,2	12,4	2,95	0,34

	học						
9	CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	2,0	7,8	77,5	12,7	3,01	0,29
Trung bình chung		2,2	10,8	73,0	13,9	2,98	0,34

Ý kiến phản hồi rải ở tất cả các tiêu chí và mức độ, điểm trung bình (ĐTB) chung của tất cả các tiêu chí là 2,99 (Hài lòng). Trung bình chung tỉ lệ phần trăm tập trung ở mức 3 (Hài lòng) chiếm 87%. Độ lệch chuẩn (ĐLC) của các tiêu chí từ 0,29 đến 0,38 cho thấy các ý kiến tập trung rất cao.

100% các tiêu chí được đánh giá ở mức Hài lòng. Tiêu chí 1 “Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, cụ thể” được đánh giá cao nhất chiếm 90,5%; tiêu chí 9 “CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động” chiếm 90,2%. Các tiêu chí còn lại đều được đánh giá ở mức Hài lòng trên 80%. Tuy nhiên vẫn còn tiêu chí 5 “Khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn trong CTĐT là phù hợp” có tỷ lệ không hài lòng chiếm 3,2%. Vì vậy, nhà trường tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh các môn học trong chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra.

Tương tự như vậy, khảo sát 25 đơn vị sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với chương trình đào tạo của nhà trường. Kết quả như sau:

Bảng 6. Mức độ hài lòng của đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, cụ thể	0	16	44	40	3,24	0,45
2	Cấu trúc của chương trình đào tạo hợp lý, đáp ứng chuẩn đầu ra	0	12	52	36	3,24	0,49
3	Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của Nhà trường được công khai tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau	0	12	56	32	3,20	0,52
4	Các môn học trong chương trình đào tạo gắn kết, liên mạch, thống nhất	0	12	48	40	3,28	0,43

5	Khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn trong chương trình đào tạo là phù hợp	0	20	48	32	3,12	0,56
6	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo là hợp lý	0	12	52	36	3,24	0,52
7	Các học phần trong chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra	0	12	56	32	3,20	0,42
8	Chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, tạo thuận lợi cho học sinh sinh viên	0	12	52	36	3,24	0,50
9	Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	0	16	56	28	3,12	0,43
Trung bình chung		0	13,8	51,6	34,7	3,21	

Kết quả khảo sát “Chương trình đào tạo” với hệ số Cronbach's Alpha là 0,92 (thang đo lường rất tốt). Ý kiến phản hồi rải ở tất cả các tiêu chí và 03 mức độ từ Ít hài lòng đến Rất hài lòng, điểm trung bình (ĐTB) chung của tất cả các tiêu chí là 3,21 (Hài lòng). Trung bình chung tỉ lệ phần trăm ở mức Hài lòng trở lên chiếm 86,3%, mức ít Hài lòng chiếm 13,8%. Độ lệch chuẩn (ĐLC) của các tiêu chí từ 0,42 đến 0,56 cho thấy các ý kiến tập trung. Điều này cho thấy các nhà tuyển dụng đánh giá CTĐT tích cực hơn, đặc biệt về khả năng đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Tiêu chí "Các môn học trong CTĐT gắn kết, liên mạch, thống nhất" có ĐTB cao nhất (3,28), cho thấy chương trình được thiết kế logic và có sự kết nối tốt giữa các môn học. Các tiêu chí như "Mục tiêu rõ ràng", "Cấu trúc hợp lý", và "Tỷ lệ lý thuyết-thực hành hợp lý" đều đạt ĐTB 3,24, phản ánh sự đánh giá cao về tính phù hợp và linh hoạt của CTĐT.

Tuy nhiên, tiêu chí "Khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn" (ĐTB = 3,12) và "Tính thực tiễn, đáp ứng thị trường lao động" (ĐTB = 3,12) có điểm thấp nhất, cho thấy cần tăng cường sự linh hoạt và cập nhật nội dung để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường.

b2) Mức độ đáp ứng của cựu sinh viên đối với ngành nghề đào tạo

Khảo sát ý kiến của 25 đơn vị sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với chương trình đào tạo của nhà trường. Kết quả khảo sát với hệ số Cronbach's Alpha là 0,91 (thang đo lường rất tốt).

Bảng 7. Mức độ đáp ứng của cựu sinh viên về kiến thức

TT	Tiêu chí	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Kiến thức chuyên môn được đào tạo	0	8	48	44	3,36	0,35
2	Kiến thức chung về văn hóa - xã hội	4	8	48	40	3,24	0,37
3	Kiến thức về pháp luật và quy định của Nhà nước	0	8	52	40	3,32	0,41
Trung bình chung		1,3	8,0	49,3	41,3	3,31	

ĐTB tổng thể là 3,31, với 49,3% đánh giá ở mức 3 và 41,33% ở mức 4 (mức Hài lòng trở lên chiếm 90,7%. Điều này cho thấy cựu sinh viên được đánh giá cao về kiến thức. Tiêu chí "Kiến thức chuyên môn" có ĐTB cao nhất (3,36), cho thấy sinh viên được đào tạo tốt về chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu công việc; "Kiến thức về pháp luật và quy định" (ĐTB = 3,32) cũng được đánh giá tích cực, phản ánh sự chuẩn bị tốt về pháp lý cho công việc. Tiêu chí "Kiến thức chung về văn hóa - xã hội" có ĐTB thấp nhất (3,24), với 4% đánh giá ở mức 1 (không đáp ứng). Điều này cho thấy cần bổ sung nội dung đào tạo về kỹ năng mềm và kiến thức xã hội.

Bảng 8. Mức độ đáp ứng của cựu sinh viên về kỹ năng

TT	Kỹ năng	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Chuyên môn	0	12	48	40	3,28	0,63
2	Lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	0	12	56	32	3,20	0,37
3	Giải quyết vấn đề	4	12	44	40	3,20	0,33
4	Làm việc nhóm	0	12	52	36	3,24	0,39
5	Giao tiếp, trình bày, thuyết trình	4	12	40	44	3,24	0,56
6	Sử dụng ngoại ngữ	0	20	52	28	3,08	0,68

7	Sử dụng tin học	0	12	52	36	3,24	0,36
8	Tự học/ tự nghiên cứu	0	12	56	32	3,20	0,57
9	Khác	0	16	40	44	3,28	0,46
Trung bình chung		0,9	13,3	48,9	36,9	3,22	

ĐTB tổng thể là 3,22, với 48,9% đánh giá ở mức 3 và 36,9% ở mức 4. Kỹ năng của cựu sinh viên được đánh giá ở mức tốt. Tiêu chí nổi bật: “Kỹ năng chuyên môn” và “Kỹ năng khác” có ĐTB cao nhất (3,28), cho thấy sinh viên có khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn; “Kỹ năng làm việc nhóm”, “Giao tiếp, trình bày, thuyết trình”, và “Sử dụng tin học” đều đạt ĐTB từ 3,24 trở lên, phản ánh sự chuẩn bị tốt về kỹ năng làm việc thực tế. Tiêu chí cần cải thiện: “Sử dụng ngoại ngữ” có ĐTB thấp nhất (3,10), với 20% đánh giá ở mức 2 (ít đáp ứng). Điều này cho thấy cần tăng cường đào tạo ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh hội nhập.

Bảng 9. Mức độ đáp ứng của cựu sinh viên về năng lực và phẩm chất

TT	Năng lực và phẩm chất	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Tinh thần trách nhiệm	0	12	44	44	3,32	0,53
2	Ý thức tổ chức, kỷ luật	4	9	32	48	3,24	0,39
3	Tinh thần cầu tiến	0	8	56	36	3,28	0,35
4	Đạo đức nghề nghiệp	0	8	52	40	3,32	0,33
5	Ý thức tập thể, cộng đồng	0	8	60	32	3,24	0,59
6	Chịu được áp lực công việc	0	20	40	40	3,20	0,78
7	Năng lực khác	4	12	44	40	3,20	0,39
Trung bình chung		1,14	10,86	48,00	40,00	3,26	

ĐTB tổng thể là 3,26/4, với 48% đánh giá ở mức 3 và 40% ở mức 4. Năng lực của cựu sinh viên được đánh giá tích cực. Tiêu chí nổi bật: “Tinh thần trách nhiệm” và “Đạo đức nghề nghiệp” có ĐTB cao nhất (3,32), cho thấy cựu sinh viên được đánh giá cao về thái độ làm việc và đạo đức; “Tinh thần cầu tiến” (ĐTB = 3,28) cũng được đánh giá tích cực, phản ánh khả năng học hỏi và phát triển của sinh viên.

Tiêu chí cần cải thiện: "Chịu được áp lực công việc" có ĐTB thấp nhất (3,20), với 20% đánh giá ở mức 2. Điều này cho thấy cần bổ sung các hoạt động rèn luyện kỹ năng quản lý áp lực trong CTĐT.

So sánh giữa sinh viên và nhà tuyển dụng: Điểm trung bình của nhà tuyển dụng đánh giá CTĐT (3,21) và năng lực cựu sinh viên (3,26-3,31) cao hơn so với sinh viên (2,98). Điều này có thể do nhà tuyển dụng nhìn nhận từ góc độ thực tiễn công việc, trong khi sinh viên tập trung vào trải nghiệm học tập. Sự đồng thuận: Cả hai nhóm đều đánh giá cao tính thực tiễn và mục tiêu rõ ràng của CTĐT, nhưng nhà tuyển dụng đánh giá cao hơn về tính linh hoạt và khả năng đáp ứng thị trường lao động.

Điểm khác biệt: Sinh viên có xu hướng ít hài lòng hơn về khối lượng kiến thức và tỷ lệ lý thuyết-thực hành, trong khi nhà tuyển dụng đánh giá các yếu tố này tích cực hơn. Nhà tuyển dụng đánh giá thấp hơn về kiến thức văn hóa-xã hội và kỹ năng ngoại ngữ, trong khi sinh viên không nhấn mạnh các yếu tố này.

Kết quả khảo sát cho thấy CTĐT của trường được đánh giá tích cực từ cả sinh viên và nhà tuyển dụng, đặc biệt về tính thực tiễn và mục tiêu rõ ràng. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần cải thiện, đặc biệt là về khối lượng kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ, và khả năng chịu áp lực. Những đề xuất trên có thể giúp nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

Dựa trên kết quả khảo sát, một số đề xuất để cải thiện CTĐT và năng lực cựu sinh viên bao gồm: Tăng cường các học phần thực hành, thực tập tại doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng thực tế. Phát triển các khóa học ngoại ngữ chuyên sâu, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp trong công việc. Xem xét giảm tải kiến thức bắt buộc, tăng cường các môn tự chọn để linh hoạt hơn với nhu cầu thị trường. Bổ sung các môn học hoặc hoạt động ngoại khóa về quản lý áp lực, giao tiếp, và kiến thức văn hóa-xã hội. Thường xuyên tham khảo ý kiến từ nhà tuyển dụng để đảm bảo CTĐT đáp ứng tốt xu hướng thị trường lao động.

IV – KẾT LUẬN

Sáng kiến này đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm phát triển CTĐT giáo dục nghề nghiệp tại Trường CĐSP Lạng Sơn theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra. Việc triển khai các biện pháp sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường tính thực tiễn của chương trình học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, sáng kiến cũng góp phần xây dựng mối quan hệ bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững của giáo dục nghề nghiệp tại địa phương.

Việc phát triển CTĐT tại Trường CĐSP Lạng Sơn đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp. Cải thiện chất lượng đào tạo thông qua việc cập nhật nội dung học tập theo tiến bộ khoa học, công nghệ và phản hồi từ doanh nghiệp. Tăng cường sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế ngay trong quá trình học. Nâng cao chất

lượng đội ngũ giảng viên thông qua các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp giảng dạy và xây dựng CTĐT theo chuẩn đầu ra. Qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn và khu vực thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và các tổ chức.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/2/2024 Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
3. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2024), Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010 hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo
5. Trần Khánh Đức (chủ biên) (2019), *Quản lý đào tạo và quản trị nhà trường hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
6. Đặng Bá Lâm (2015), *Chương trình giáo dục hướng tới phát triển năng lực người học*, Tạp chí Quản lý Giáo dục (Học viện Quản lý Giáo dục), Số đặc biệt tháng 4/2015.
7. Phạm Thị Lệ Quyên (2022), *Phát triển CTĐT tại trường trung cấp theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, Tập 18, Số 3
8. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2003), Tập 3, Nxb Từ điển Bách khoa
9. Trường CĐSP Lạng Sơn (2024), Quyết định số 346/QĐ-CĐSP ngày 12/8/2024 ban hành Chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ cao đẳng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
10. Trường CĐSP Lạng Sơn (2024), Quyết định số 343/QĐ-CĐSP ngày 12/8/2024 ban hành Chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ trung cấp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
11. Trường CĐSP Lạng Sơn (2024), Báo cáo số 593/BC-CĐSP ngày 25/12/2024 về Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024

PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động



SỞ GD&ĐT LẠNG SƠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (Dành cho ngành, trình độ)

Kính gửi Quý cơ quan/ doanh nghiệp!

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường mong nhận được ý kiến của Quý Ông/Bà là đại diện của Cơ quan/Doanh nghiệp có sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường CĐSP Lạng Sơn hiện đang công tác tại Quý cơ quan/ doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của Quý cơ quan sẽ góp phần rất quan trọng giúp Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm cung ứng nguồn nhân lực ngày càng tốt hơn cho xã hội.

Vì vậy, Ông/Bà hãy cho biết ý kiến của Cơ quan/Doanh nghiệp về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của Trường CĐSP Lạng Sơn bằng cách đánh dấu (X)/ khoanh tròn vào ô phù hợp hoặc viết nội dung phù hợp.

A. THÔNG TIN ĐƠN VỊ

1. Tên đơn vị:..... Lĩnh vực hoạt động:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Email:
3. Chức vụ (người trả lời):

B. ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP TỪ TRƯỜNG CĐSP LẠNG SƠN

Chọn 01 mức độ hài lòng phù hợp:

- | | |
|--------------------|------------------|
| 1 - Không hài lòng | 3- Hài lòng |
| 2 - Phân vân | 4 - Rất hài lòng |

TT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Mức độ			
I. Kiến thức					
1	Kiến thức chuyên môn được đào tạo	1	2	3	4
2	Kiến thức chung về văn hóa - xã hội	1	2	3	4
3	Kiến thức về pháp luật và quy định của Nhà nước	1	2	3	4
II. Kỹ năng					
1	chuyên môn	1	2	3	4
2	Lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	1	2	3	4
3	Giải quyết vấn đề	1	2	3	4

4	Làm việc nhóm	1	2	3	4
5	Giao tiếp, trình bày, thuyết trình	1	2	3	4
6	Sử dụng ngoại ngữ	1	2	3	4
7	Sử dụng tin học	1	2	3	4
8	Tự học/ tự nghiên cứu	1	2	3	4
9	Kỹ năng khác	1	2	3	4
III	Năng lực và phẩm chất				
1	Tinh thần trách nhiệm	1	2	3	4
2	Ý thức tổ chức, kỷ luật	1	2	3	4
3	Tinh thần cầu tiến	1	2	3	4
4	Đạo đức nghề nghiệp	1	2	3	4
5	Ý thức tập thể, cộng đồng	1	2	3	4
6	Chịu được áp lực công việc	1	2	3	4
7	Năng lực khác	1	2	3	4

C. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chọn 01 mức độ hài lòng phù hợp:

1 - Không hài lòng

3- Hài lòng

2 - Phân vân

4 - Rất hài lòng

TT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Mức độ			
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, cụ thể	1	2	3	4
2	Cấu trúc của chương trình đào tạo hợp lý, đáp ứng chuẩn đầu ra	1	2	3	4
3	Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của Nhà trường được công khai tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau	1	2	3	4
4	Các môn học trong chương trình đào tạo gắn kết, liên mạch, thống nhất	1	2	3	4
5	Khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn trong chương trình đào tạo là phù hợp	1	2	3	4
6	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo là hợp lý	1	2	3	4
7	Các học phần trong chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra	1	2	3	4
8	Chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, tạo thuận lợi cho học sinh sinh viên	1	2	3	4
9	Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	2	3	4

**D. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG
ĐƯỢC YÊU CẦU CỦA QUÝ CƠ QUAN/ DOANH NGHIỆP**

.....

.....

.....

.....



PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN VÀ CỰU SINH VIÊN
(Dành cho sinh viên ngành, trình độ.....)

Thân gửi cựu sinh viên Trường CĐSP Lạng Sơn!

Tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường. Thông tin cựu sinh viên cung cấp sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:..... Mã sinh viên:.....
Khoa:.....Ngành đào tạo:.....Lớp:.....
Khóa đào tạo:.....Số điện thoại:.....
Email:.....
Địa chỉ khi cần liên hệ:.....

B. CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH-GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO

Anh chị vui lòng chọn 1 trong các mức độ sau:

1 - Không hài lòng

3- Hài lòng

2 - Phân vân

4 - Rất hài lòng

STT	CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC LẤY Ý KIẾN	Khoanh tròn mức độ đồng ý			
1	Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, cụ thể	1	2	3	4
2	Cấu trúc của CTĐT hợp lý, đáp ứng chuẩn đầu ra.	1	2	3	4
3	CTĐT và chuẩn đầu ra của Nhà trường được công khai tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau	1	2	3	4
4	Các môn học trong CTĐT gắn kết, liền mạch, thống nhất	1	2	3	4
5	Khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn trong CTĐT là phù hợp	1	2	3	4
6	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTĐT là hợp lý	1	2	3	4
7	Các học phần trong CTĐT đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra	1	2	3	4
8	CTĐT được thiết kế linh hoạt, tạo thuận lợi cho người học	1	2	3	4
9	CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	2	3	4

C. CÁC Ý KIẾN KHÁC (ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ GIÚP NHÀ TRƯỜNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO)

.....

.....
.....
.....
.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

**CAM ĐOAN CỦA TÁC GIẢ
VỀ SÁNG KIẾN**

Nguyễn Thế Dương